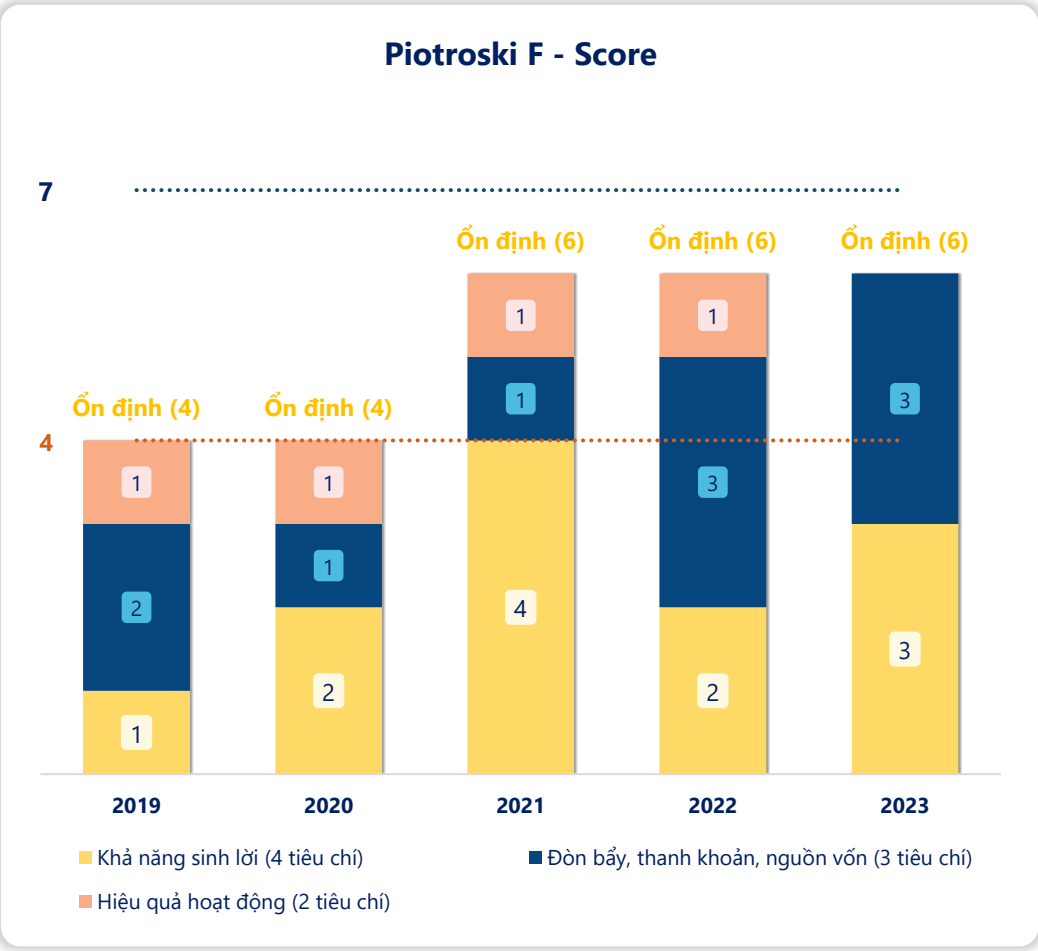
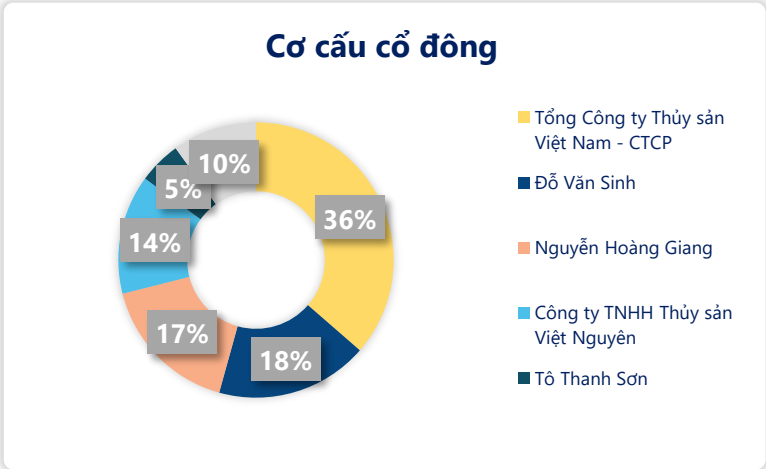
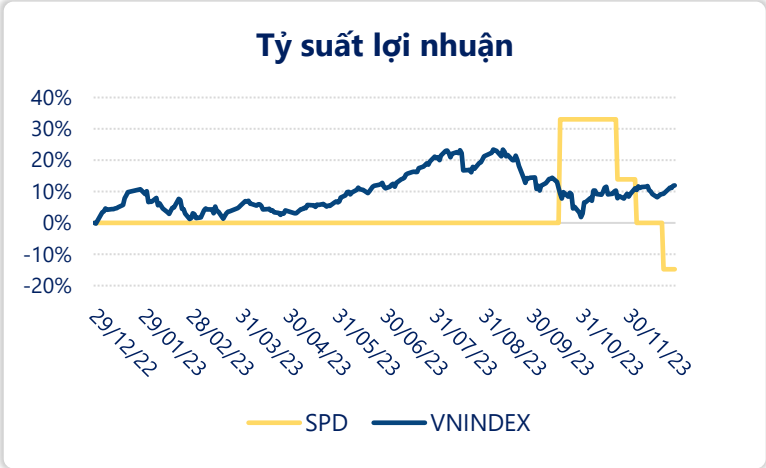


CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (UPCOM: SPD)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	9,800 VNĐ			Sức mạnh tài chính		2023		2023	
29/12/2023				Piotroski F - Score		DT thuần		LN sau thuế	
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng	2023		YoY		YoY	
	-25.2%	-14.8%	-14.8%	6/9		752		0.72	
				(Ổn định)		tỷ VNĐ		tỷ VNĐ	
						▼ 149		▼ 6.79	
						▼ 16.6%		▼ 90.4%	

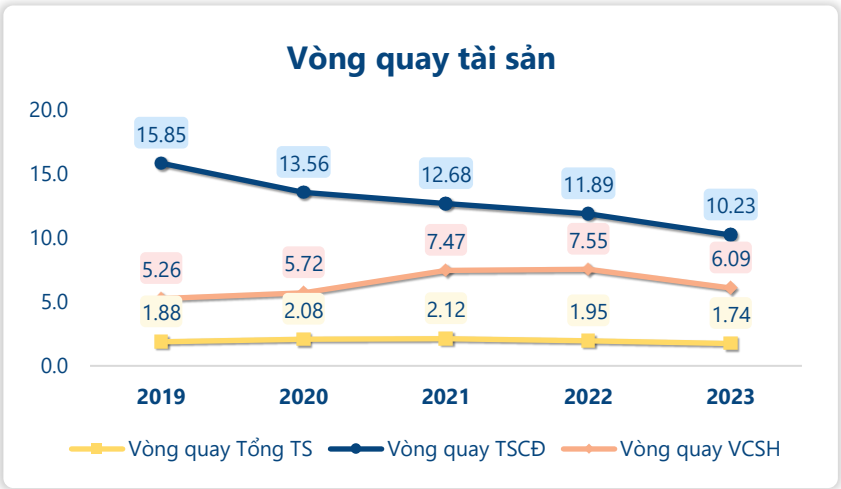
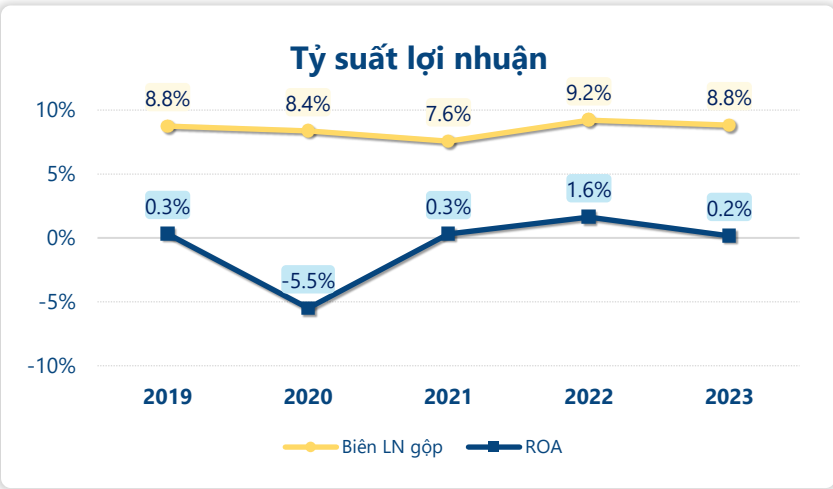
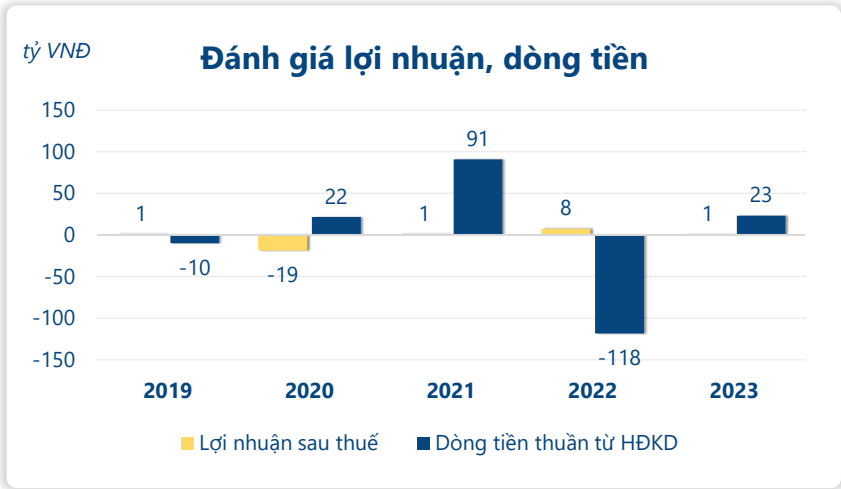


Năm **2023**, F-Score của **SPD** đạt **6/9** không đổi so với năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá thuộc vùng "**Ổn định**".

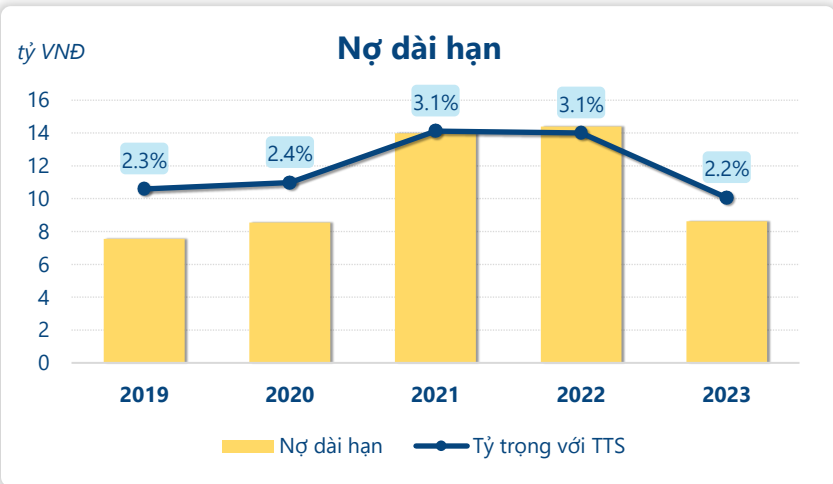
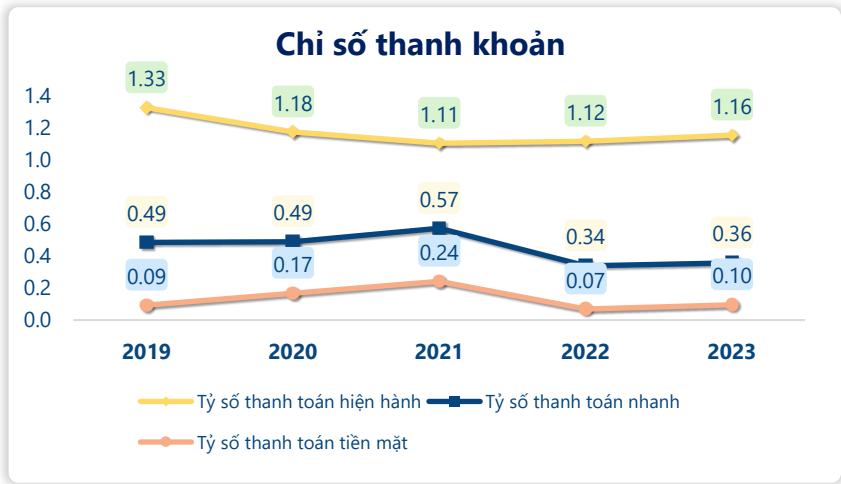
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **3/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (UPCOM: SPD)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **SPD**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	392	470	-16.6%
Tài sản ngắn hạn	300	372	-19.2%
Tiền và tương đương tiền	24.8	23.0	7.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	62.7	83.8	-25.2%
Hàng tồn kho	207	259	-19.9%
Tài sản ngắn hạn khác	5.28	5.90	-10.6%
Tài sản dài hạn	91.9	98.4	-6.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	69.9	77.1	-9.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.32	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	22.0	21.0	4.8%
Tài sản dài hạn khác	0	0.02	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	268	347	-22.7%
Nợ ngắn hạn	260	332	-21.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	205	216	-4.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.52	21.1	-59.6%
Nợ dài hạn	8.63	14.4	-40.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.63	14.4	-40.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	124	123	0.6%
Vốn chủ sở hữu	124	123	0.6%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	716	709	859	901	752
Giá vốn hàng bán	653	650	794	818	685
Lợi nhuận gộp	62.7	59.3	65.0	83.0	66.4
Doanh thu HĐTC	3.95	5.04	4.45	10.7	9.12
Chi phí TC	13.0	22.6	13.1	18.5	20.2
Chi phí lãi vay	12.8	11.8	12.9	15.5	16.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.2	13.4	16.2	25.7	15.9
Chi phí QLDN	39.9	47.2	36.9	43.1	38.6
LN thuần từ HĐKD	0.56	-18.9	3.11	6.50	0.74
Lợi nhuận khác	0.70	0.19	0.20	1.01	-0.02
LN trước thuế	1.26	-18.8	3.31	7.51	0.72
Lợi nhuận sau thuế	1.23	-18.8	1.25	7.51	0.72
LNST của CĐ cty mẹ	1.23	-18.8	1.25	7.51	0.72

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.97	21.7	90.8	-118	23.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.66	-22.4	-17.6	-14.4	-5.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-73.8	22.2	-34.8	77.7	-16.4
Tiền đầu kỳ	103	17.2	39.0	78.2	23.0
Lưu chuyển tiền thuần	-86.4	21.6	38.4	-55.0	1.80
Ảnh hưởng tỷ giá	0.27	0.15	0.82	-0.28	0.00
Tiền cuối kỳ	17.2	39.0	78.2	23.0	24.8